

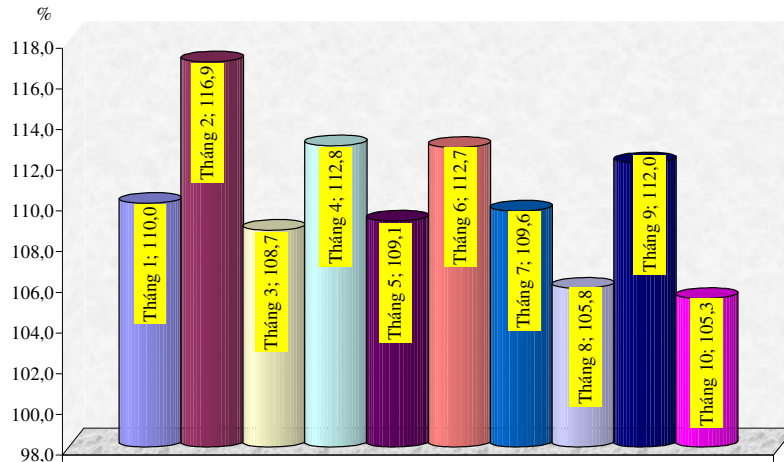
Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2011

BÁO CÁO TÓM TẮT
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI
THÁNG 10 VÀ 10 THÁNG NĂM 2011

I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**1. Tình hình chung**

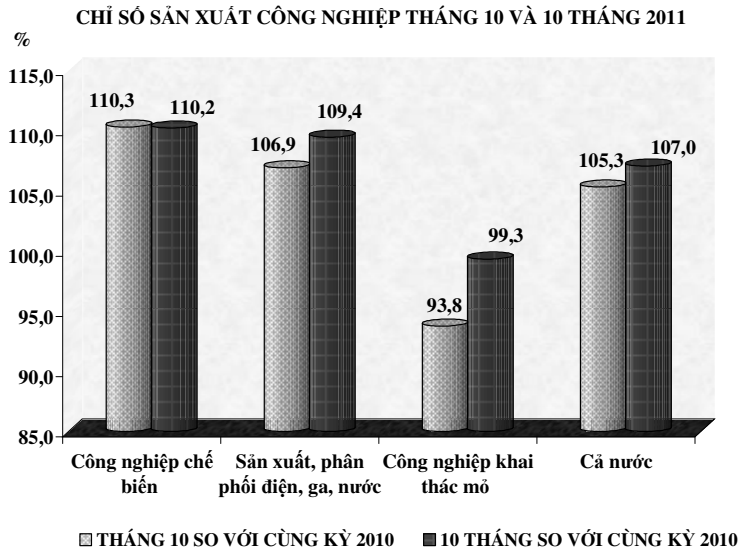
Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng của sản xuất công nghiệp tháng 10 tiếp tục giảm do ảnh hưởng của tình hình kinh tế thế giới, sức mua trong nước giảm và thời tiết mưa lũ kéo dài tại một số tỉnh; giá cả nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất tuy đã ổn định song đứng ở mức cao nên hiệu quả sản xuất mang lại chưa nhiều;... Vì vậy nên một số ngành công nghiệp chế biến, chế tạo gặp khó khăn do thị trường tiêu thụ giảm; ngành công nghiệp khai thác giảm mạnh do chậm tiến độ khai thác.

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP (IIP) HÀNG THÁNG NĂM 2011
SO VỚI CÙNG KỲ NĂM 2010

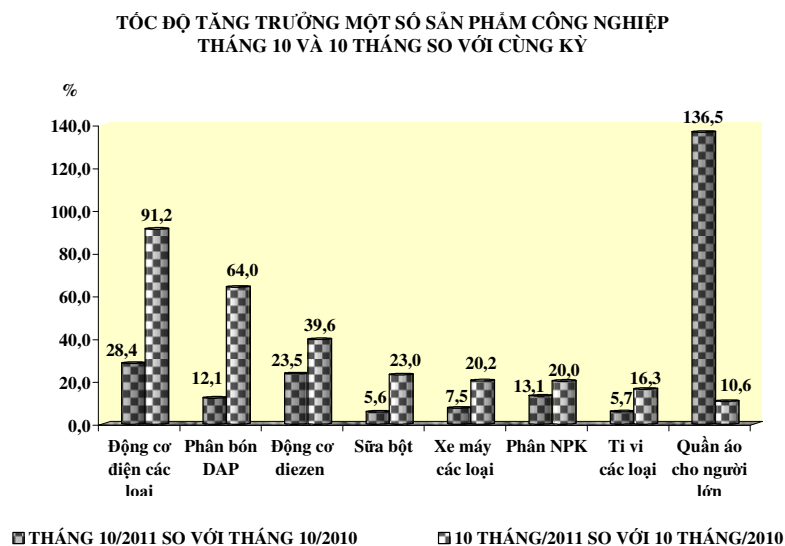


So với tháng 10/2010, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp chỉ tăng 5,3%, trong đó: ngành công nghiệp khai thác mỏ giảm 6,2%; công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ tăng 10,3% (trong khi tốc độ tăng bình quân từ đầu năm đến nay là 11,3%/tháng); sản xuất, phân phối điện, ga, nước tăng 6,9%.

So với cùng kỳ, tốc độ tăng trưởng 10 tháng chỉ tăng 7,0% (giảm 0,8 điểm % so với thời điểm 9 tháng), trong đó: ngành công nghiệp khai thác mỏ giảm 0,7%, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,2% và sản xuất, phân phối điện, ga, nước tăng 9,4% (Phụ lục 1).



Tình hình sản xuất các ngành công nghiệp cụ thể như sau: sản lượng khai thác dầu thô giảm nhẹ nhưng khai thác khí thiên nhiên giảm 9,6%; trong công nghiệp chế biến, chế tạo thì một số sản phẩm tăng trưởng liên tục từ đầu năm đến nay như: phôi thép tăng trên 15,6%, máy giặt tăng 44,8%, ti vi tăng 16,3%, xe máy tăng 20,2%, phân NPK tăng 20,0%, phân DAP tăng 64,0%, vải dệt từ sợi tổng hợp hoặc sợi nhân tạo tăng 22,0%, quần áo cho người lớn tăng 10,6%, giày thể thao tăng 14,0%, bia tăng 8,3%, sữa bột tăng 23,0%,... Tuy nhiên, một số sản phẩm phục vụ sản xuất tiếp tục giảm như: khí thiên nhiên giảm 9,9% khí hóa lỏng giảm 6,2%, xăng dầu giảm 4,9%. Một số ngành sản xuất cầm chừng, thậm chí giảm để tránh lượng tồn kho ngày một tăng như: thép tiếp tục giảm nhẹ 1,3%, máy công cụ giảm 37,3%, điều hoà nhiệt độ giảm 23,8%, tủ lạnh, tủ đá giảm 15,0%, lắp ráp ô tô giảm 3,4%, vải dệt từ sợi bông giảm 1,1%, xà phòng bột giặt giảm 7,9%,... Riêng điện sản xuất tăng trưởng ổn định 9,7% (Phụ lục 2).



2. Tình hình nổi bật của một số ngành

2.1. Ngành Năng lượng

- **Ngành điện:** sản xuất tháng 10 ước đạt 8,56 tỷ kWh, tăng 9,0% so với tháng 10/2010; tính chung 10 tháng ước đạt 83,38 tỷ kWh, tăng 9,7% so với cùng kỳ. Nhìn chung, nhu cầu sử dụng điện không cao do việc tiết giảm sản xuất của một số ngành và thời tiết đã chuyển mùa. Các nhà máy thủy điện miền Bắc và miền Nam khai thác đáp ứng yêu cầu tích nước lên mực nước cao nhất có thể còn thủy điện miền Trung và Tây Nguyên khai thác theo tình hình thực tế nước về, đồng thời, xả nước do mưa lũ lớn. Các nhà máy nhiệt điện than, tua bin khí huy động tối đa. Do tình trạng lưới điện không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật, không đưa điện từ miền Trung, miền Nam ra miền Bắc được nên điện nhập khẩu từ Trung Quốc giảm không đáng kể.

Tháng 10, nguồn cung đảm bảo đủ điện sản xuất và tiêu dùng dân cư, ước đạt 8,33 tỷ kWh, giảm nhẹ 0,3% so với tháng 9 nên tính chung 10 tháng ước đạt 78,5 tỷ kWh, tăng 11,0% so với cùng kỳ, trong đó: điện cung cấp cho công nghiệp và xây dựng tăng 14,19%, chiếm tỷ trọng 52,7%; điện dùng cho khu vực thương nghiệp, khách sạn nhà hàng tăng 7,9%, chiếm tỷ trọng 4,5%; điện cho tiêu dùng dân cư tăng 6,0%, chiếm tỷ trọng 36,2%.

- **Ngành dầu khí:** nhờ triển khai tích cực và đồng bộ các giải pháp từ đầu năm nên tính đến hết tháng 9 công tác tìm kiếm thăm dò gia tăng trữ lượng dầu khí đã hoàn thành kế hoạch năm (đạt 35 triệu tấn dầu thu hồi); tính chung 10 tháng đầu năm, đã thu nổ trên 12.591 km địa chấn 2D và 4.519 km² địa chấn 3D. Có 03 phát hiện dầu khí mới (giếng Gấu Trắng-1X, giếng Mèo Trắng-1X và giếng Cá Voi Xanh-2X). Trong tháng 10 đã ký thêm 01 hợp đồng dầu khí mới ở trong nước nâng số hợp đồng đã ký từ đầu năm đến nay là 05 hợp đồng.

Trong công tác phát triển mỏ, ngày 10 tháng 10 đã đưa thêm mỏ Chim Sáo vào khai thác; tính chung 10 tháng đã đưa 05 mỏ dầu khí vào khai thác, trong đó, ở trong nước 03 mỏ và ở nước ngoài 02 mỏ. Vì vậy nên tổng sản lượng khai thác quy dầu tháng 10 ước đạt 1,89 triệu tấn, tăng 5,0% so với tháng 9; tính chung 10 tháng ước đạt 19,37 triệu tấn, bằng 83,5% kế hoạch năm, trong đó: sản lượng khai thác dầu tháng 10 ước đạt 1,4 triệu tấn, tăng 8,8% so với tháng 9; tính chung 10 tháng ước đạt 12,35 triệu tấn, bằng cùng kỳ năm trước; sản lượng khai thác khí tháng 10 ước đạt 0,6 tỷ m³, tăng 14,3% so với tháng 9; tính chung 10 tháng ước đạt 7,13 tỷ m³, bằng 90,8% so với cùng kỳ. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng đường ống dẫn khí Nam Côn Sơn và Nhà máy Lọc dầu Dung Quất vượt tiến độ.

Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm, cần tập trung chỉ đạo các nhà thầu khai thác dầu khí đảm bảo sản lượng khai thác, gấp rút khai thác khí và sản xuất xăng dầu theo kế hoạch năm, hoàn thành đàm phán với các nhà thầu dầu khí để ký kết 04 Hợp đồng dầu khí/thỏa thuận chuyển nhượng ở trong

nước và nước ngoài; tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, Ban/ngành liên quan trong công tác đảm bảo an ninh trên biển và an toàn cho các hoạt động dầu khí.

2.2. Ngành Công nghiệp nặng

- **Ngành Than và Khoáng sản:** nhờ công tác tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ tiếp tục được đẩy mạnh nên trong tháng 10 khối lượng bóc đất đá ước đạt 26,73 triệu m³, tăng 21,1% so với tháng 9, tính chung 10 tháng đạt 221,05 triệu m³, tăng 19,0% so với cùng kỳ năm 2010; mét lò đào mới 10 tháng ước đạt 305,43 nghìn m, tăng 11,0% so với cùng kỳ. Công tác khai thác than ổn định và tăng trưởng so với tháng 9 và so với cùng kỳ, sản lượng than nguyên khai tháng 10 ước đạt 3,96 triệu tấn, tăng 17,3% so với tháng 9, tính chung 10 tháng ước đạt 39,60 triệu tấn, tăng 3,05% so với cùng kỳ. Hệ thống sàng tuyển than tiếp tục hoạt động ổn định, sản lượng than sạch tháng 10 ước đạt 3,91 triệu tấn, tăng 15,4% so với tháng 9, tính chung 10 tháng đạt 35,77 triệu tấn, tăng 3,0% so với cùng kỳ.

Với lĩnh vực hoạt động cốt lõi là tìm kiếm, thăm dò, khai thác, phân phối than và khoáng sản, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Chính phủ về đảm bảo an ninh năng lượng, ưu tiên cung cấp đủ than cho các hộ tiêu thụ trong nước, giảm lượng than xuất khẩu. Sản lượng than cung cấp cho các hộ lớn trong nước 10 tháng tăng 15,0% so với cùng kỳ, trong khi lượng than xuất khẩu giảm 7,8% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm sản lượng than tiêu thụ ước đạt 36,50 triệu tấn, đạt 79% kế hoạch năm và tăng 11,0% so với cùng kỳ.

Hoạt động khai thác khoáng sản tháng 10 tuy giảm nhẹ do ảnh hưởng của mưa lũ nhưng ổn định và duy trì được mức tăng trưởng 10 tháng so với cùng kỳ. Tuy nhiên, thị trường xuất khẩu khoáng sản vẫn tiếp tục tăng do giá một số loại khoáng sản như kẽm thỏi, đồng tấm, tinh quặng đồng,... trên thị trường thế giới có nhích lên đôi chút nên 10 tháng số lượng xuất khẩu khoáng sản các loại tăng 35,5%, tương ứng kim ngạch tăng 54,0% so với cùng kỳ.

- **Ngành Thép:** do nhu cầu xuất khẩu các mặt hàng từ thép tăng cao, đặc biệt là các sản phẩm thép thanh, thép góc (là sản phẩm có giá trị chiếm tỷ trọng lớn trong ngành sản xuất thép) nên tốc độ tăng trưởng từ đầu năm đến nay ổn định và duy trì xấp xỉ bằng cùng kỳ (10 tháng ước đạt 5,88 triệu tấn). Trái ngược với sản phẩm thép thanh, thép góc, sản xuất thép cán xây dựng gồm thép cây và thép tròn các loại 10 tháng lại giảm so với cùng kỳ, thị trường thép trong nước bị thu hẹp do các công trình xây dựng chưa đẩy nhanh tiến độ vì ảnh hưởng của thời tiết (các tỉnh miền Bắc, các tỉnh miền Trung và các tỉnh vùng đồng bằng Sông Cửu Long đang trong mùa mưa lũ) và do ảnh hưởng từ việc thực hiện Nghị quyết 11 của Chính phủ cắt giảm đầu tư công từ đầu tháng 3/2011.

Tuy chỉ chiếm tỷ trọng trên 30% thị phần thép xây dựng cả nước nhưng để góp phần cùng Chính phủ thực hiện tốt Nghị quyết 11 về việc đảm bảo

nguồn cung, bình ổn giá các mặt hàng thiết yếu, trong đó có thép xây dựng, trong tháng 10, Tổng công ty Thép Việt Nam đã tiến hành rà soát các khoản chi phí cấu thành sản xuất thép nhằm minh bạch giá bán thép xây dựng trên thị trường. Kết quả bước đầu cho thấy, hầu hết các đơn vị sản xuất, phân phối thép thuộc Tổng công ty đều thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Bộ Công Thương và của Chính phủ, niêm yết và phổ biến rộng rãi giá nguyên liệu và giá bán thành phẩm ở từng đại lý phân phối theo từng ngày. Dự báo hai tháng cuối năm giá thép xây dựng trong nước sẽ ổn định do nguồn cung dồi dào, năng lực cán thép của các đơn vị trong nước ổn định. Tuy nhiên, lượng tồn kho tính đến đầu tháng 10 tiếp tục tăng, ước khoảng gần 400 nghìn tấn thép xây dựng và khoảng gần 500 nghìn tấn phôi thép.

- **Ngành Hoá chất:** Để đảm bảo đủ nguồn cung phân bón vào tháng 11 trên tất cả các vùng miền, trong tháng 10, các đơn vị sản xuất phân bón tiếp tục duy trì công suất các nhà máy ở mức cao, sản lượng phân bón chỉ tính riêng các đơn vị thuộc Tập đoàn Hoá chất Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tháng 10 đều cao hơn tháng 9 và cùng kỳ năm 2010 (phân urê ước đạt 91,3 nghìn tấn, tăng 0,5% so với tháng 9, tính chung 10 tháng ước đạt 827,1 nghìn tấn, tăng 0,2% so với cùng kỳ; phân lân tháng 10 ước đạt 111,5 nghìn tấn, tăng 1,8% so với tháng 9, tính chung 10 tháng ước đạt 1.254,9 nghìn tấn, tăng 6,8% so với cùng kỳ; phân NPK tháng 10 ước đạt 165,3 nghìn tấn, tăng 13,1% so với tháng 9, tính chung 10 tháng ước đạt 1.618,9 nghìn tấn, tăng 20,0% so với cùng kỳ).

Trong tháng, các địa phương miền Bắc vẫn chưa xuống giống vụ Đông Xuân và các tỉnh miền Trung và miền Nam đang trong mùa mưa lũ nên nhu cầu phân bón chưa cao. Giá phân bón trên thị trường trong nước giảm nhẹ so với tháng 9, cụ thể: giá phân đạm urê tại vùng Đông Nam Bộ vào trung tuần tháng 10 giảm 100-150 đồng/kg; giá phân urê thị trường miền Bắc ổn định ở mức 10.100 đồng/kg. Dự báo trong tháng 11 giá phân bón sẽ ổn định do nguồn cung dồi dào, các tỉnh miền Bắc đang trong giai đoạn thu hoạch lúa vụ mùa và các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long đang trong mùa mưa lũ.

- **Ngành Cơ khí, Điện tử:** tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng cao chỉ ở một số sản phẩm như: động cơ điện tăng 28,4% so với tháng 9 và tăng 91,2% so với cùng kỳ; động cơ diezen tăng 23,5% so với tháng 9 và tăng 39,6% so với cùng kỳ; máy giặt tăng 1% so với tháng 9 nhưng tăng 44,8% so với cùng kỳ, tivi tăng 5,7% và tăng 16,3%, xe máy tăng 7,5% và tăng 20,2%, ... đặc biệt, sau hơn một năm thực hiện tái cơ cấu theo Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, ngành đóng tàu và sửa chữa tàu đã từng bước giảm thiểu được các khó khăn, duy trì sản xuất để đạt tốc độ tăng trưởng cao so với cùng kỳ (chỉ số phát triển tháng 10 ước tăng 17,2% so với tháng 9 và tăng 65,8% so với cùng kỳ).

Mặc dù gặp nhiều khó khăn do cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu từ cuối năm 2010 đến nay vẫn chưa có dấu hiệu tích cực nhưng nhờ đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại nên kim ngạch xuất khẩu của ngành điện tử và

linh kiện máy tính tiếp tục duy trì mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ, tháng 10 ước đạt 380 triệu USD, tăng 7,0% so với tháng 9 và tăng 4,2% so với tháng 10/2010, tính chung 10 tháng ước đạt 3,15 tỷ USD, tăng 8,7% so với cùng kỳ.

2.3. Ngành Công nghiệp nhẹ

- **Ngành Dệt may:** sản xuất một số sản phẩm tháng 10 tăng cao so với tháng 9 như: vải dệt từ sợi bông tăng 22,5%, quần áo người lớn tăng gấp hơn 2 lần. Tình hình sản xuất ổn định và tăng trưởng, giá các mặt hàng dệt may vẫn có xu hướng tăng (giá tháng 10 tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 11,8% so với cùng kỳ năm trước). Tuy nhiên, một số doanh nghiệp vừa và nhỏ trong tháng 10 đã bị giảm đơn hàng từ 15% - 20% so với cùng kỳ. Hiện nay, ngành dệt may vẫn phụ thuộc nhiều vào nguyên phụ liệu nhập khẩu, chưa chủ động được trong nguồn nguyên liệu, hầu hết doanh nghiệp thiếu vốn đầu tư cho các dự án phát triển nguyên liệu như bông, sợi... nên giá trị gia tăng của ngành chưa cao.

Sau khi đạt kim ngạch xuất khẩu hơn 1,5 tỷ USD vào tháng 8 thì hai tháng nay duy trì ở mức ổn định khoảng 1,3 tỷ USD, tính chung 10 tháng ước đạt 11,7 tỷ USD. Ước tính kim ngạch xuất khẩu cả năm khoảng 13 - 13,5 tỷ USD, trong đó ba thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của ngành dệt may Việt Nam là Mỹ (chiếm khoảng 51% tổng kim ngạch xuất khẩu), EU (17%) và Nhật Bản (12%). Tuy nhiên, tình hình thị trường xuất khẩu mặt hàng dệt may đang có những diễn biến trái chiều. Hai thị trường chính của dệt may Việt Nam là Mỹ và EU đều đang phải đối mặt với nhiều khó khăn khi nguy cơ khủng hoảng nợ công vẫn ở mức cao và chưa có dấu hiệu cải thiện. Vì thế, hoạt động xuất khẩu dệt may các tháng cuối năm sẽ gặp khó khăn do biến động về tài chính, tiền tệ, cắt giảm chi tiêu,... từ các thị trường này. Thị trường có dấu hiệu trì trệ hơn trong việc đặt các lô hàng mới của quý I năm 2012. Hiện nhiều doanh nghiệp ngành dệt may đang lâm vào tình trạng thiếu đơn hàng cuối năm, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một số doanh nghiệp tìm đến các khách mua hàng mới tại Úc, Châu Phi, Canada, Hàn Quốc... nhưng thị trường mới không dễ tăng sản lượng ngay được. Bên cạnh đó, các nước như Ấn Độ, Indonesia đã chấp nhận giảm giá nên các doanh nghiệp của Việt Nam sẽ phải cạnh tranh nhiều hơn.

- **Ngành Da giày:** sản xuất tháng 10 vẫn ổn định và tăng trưởng cao so với cùng kỳ, nhất là sản phẩm giày thể thao để phục vụ xuất khẩu (10 tháng tăng 14,0% so với cùng kỳ). Từ đầu năm đến nay, da giày là một trong các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đứng thứ ba sau dệt may và dầu thô. Kim ngạch xuất khẩu da giày từ tháng 5 đến nay gia tăng đột biến do ảnh hưởng tích cực từ việc Ủy ban châu Âu (EC) đã chấm dứt thuế chống bán phá giá với sản phẩm giày mũ da Việt Nam. Việc chấm dứt mức thuế này đã khiến nhiều nhà nhập khẩu dịch chuyển đơn hàng từ Trung Quốc, vốn đang phải chịu thuế 16,5% với mặt hàng này sang Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp da giày đang đối mặt với khó khăn về thiếu lao động có tay nghề cao, các chi phí vận chuyển và dịch vụ tăng cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất.

Hiện nay, các doanh nghiệp da giày đã ký đủ đơn hàng xuất khẩu cho cả năm 2011, đặc biệt là đơn hàng xuất khẩu sang Châu Âu và đang tiến hành đàm phán đơn hàng cho năm 2012. Tuy nhiên sau 4 tháng liên tiếp (từ tháng 5 đến tháng 8) kim ngạch xuất khẩu da giày ở mức cao, dao động 570 đến 640 triệu USD/tháng, từ tháng 9 kim ngạch xuất khẩu chỉ đạt hơn 400 triệu USD do lượng đơn hàng chững lại vì đây là thời điểm giao mùa.

- **Ngành Giấy:** từ đầu quý 3 sản xuất đã có dấu hiệu trì trệ do sức tiêu thụ giảm, lượng tồn kho tăng. Doanh nghiệp hiện nay có hợp đồng mới sản xuất chứ không sản xuất trước dự trữ để tiêu thụ. Sản lượng tháng 10 ước đạt 200,7 nghìn tấn, tăng 0,4% so với tháng 9, tính chung 10 tháng ước đạt 1,67 triệu tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ.

Đối với các sản phẩm giấy xuất khẩu của Việt Nam, tháng 10 giảm 1,9% so với tháng 9, tính chung 10 tháng ước đạt 34 triệu USD, tăng 8,9% so với cùng kỳ.

- **Ngành Thuốc lá:** sản xuất ổn định, tháng 10 tăng 4,2% so với tháng 9 và tăng 22,5% so với tháng 10/2010; tính chung 10 tháng ước đạt 4,45 tỷ bao, tăng 9,1% so với cùng kỳ. Hiện nay đã vào mùa thu nên sản lượng thuốc lá tiêu thụ có xu hướng tăng. Tuy nhiên, do tình hình buôn lậu thuốc lá vẫn diễn biến phức tạp (thuốc lá nhập lậu đang chiếm khoảng 20% lượng thuốc lá tiêu thụ tại Việt Nam) nên để kiểm soát chặt việc buôn bán thuốc lá, Bộ Công Thương đang xem xét 2 phương án tăng cường quản lý hoạt động kinh doanh thuốc lá: *Một là* xây dựng 3 trung tâm phân phối bán buôn sản phẩm thuốc lá cấp khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và thành phố Hà Nội; *Rà soát lại* các thương nhân đã được cấp giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá trên 63 tỉnh, thành phố theo hướng tổng kiểm tra, kiểm soát toàn bộ các doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh bán buôn và bán buôn - bán lẻ thuốc lá trong thời gian qua. Trên cơ sở đó sắp xếp lại, đề ra các tiêu chí cụ thể để xem xét việc tiếp tục cấp phép hoặc không cấp phép mới cho các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá. *Hai là*, trước mắt giữ nguyên hệ thống hiện có, sau đó tiến hành sắp xếp lại theo từng địa bàn trên cơ sở đề xuất của các nhà cung cấp và cơ quan quản lý.

- **Ngành Bia, rượu, nước giải khát:** liên tục tăng trưởng mạnh trong nhiều năm qua nhưng năm nay, thị trường bia, rượu, nước giải khát gặp không ít khó khăn do tình hình thời tiết diễn biến bất lợi, lạm phát tăng cao, kinh tế trong nước nhiều khó khăn đã ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng và làm giảm nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm bia, rượu và giảm sản lượng sản xuất. Sản phẩm bia tháng 10 ước đạt 240,4 triệu lít, chỉ tăng 4,6% so với tháng 9 và tăng 13,9% so với tháng 10/2010, tính chung 8 tháng đầu năm đạt 2,17 tỷ lít, chỉ tăng 8,3% so với cùng kỳ. Do vậy các doanh nghiệp cần nỗ lực tái cơ cấu, xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp, củng cố và nâng cao hệ thống phân phối nhằm mở rộng và tăng thị phần cho sản phẩm, tìm giải pháp đổi mới cải tiến công nghệ, quy trình sản xuất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thực hiện tích cực các cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng

hàng Việt Nam” và chương trình “Đưa hàng Việt về nông thôn”... góp phần nâng cao sức mua của thị trường trong nước, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành.

- **Các ngành khác** tháng 10 sản xuất ổn định nhưng tốc độ tăng trưởng kém hơn năm trước.

II. HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI

1. Xuất khẩu

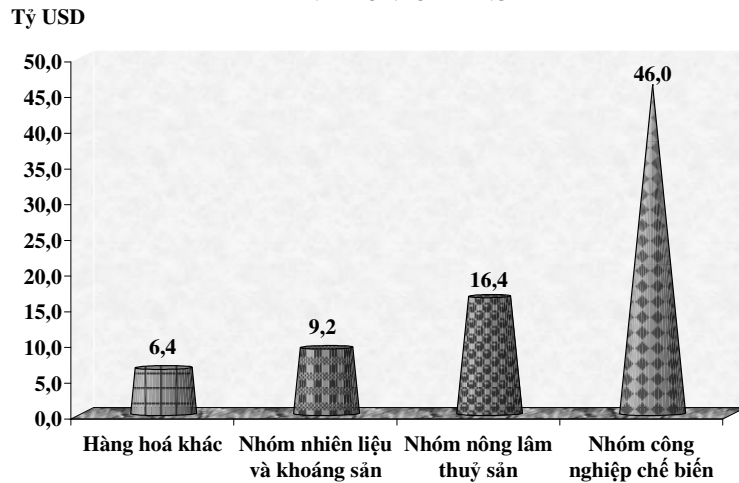
Tình hình xuất khẩu tiếp tục đạt kết quả khả quan nhờ mặt hàng thủy sản đang vào mùa tiêu thụ cho các dịp lễ, tết cuối năm tại thị trường EU, Mỹ; xuất khẩu gạo biến động theo chiều hướng thuận lợi cho Việt Nam do Thái Lan hiện đang áp dụng chính sách hỗ trợ cho nông dân thông qua việc nâng giá lúa (điều này sẽ khiến giá gạo xuất khẩu tăng cao đạt mức 750 - 800 USD/tấn, trong khi đó đa số các nước nhập khẩu gạo đang phải chịu sức ép giảm thiểu lạm phát nên việc nhập khẩu gạo giá cao từ Thái Lan là một rào cản); xuất khẩu dầu thô tăng giá; xuất khẩu cao su, thép tăng đột biến;...

Kim ngạch xuất khẩu tháng 10 ước đạt 8,3 tỷ USD, tăng 4,5% so với tháng 9 và tăng 32,1% so với tháng 10/2010, trong đó, xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 4,3 tỷ USD, tăng 0,4% so với tháng 9 và tăng 32,0% so với tháng 10/2010.

Tính chung 10 tháng, kim ngạch xuất khẩu ước đạt hơn 78,0 tỷ USD, tăng 34,6% so với cùng kỳ, trong đó, xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) ước đạt 37,1 tỷ USD, tăng 35,9% (Phụ lục 3).

Xét theo nhóm hàng, so với cùng kỳ, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ước đạt 16,4 tỷ USD, tăng 36,0% và chiếm tỷ trọng 21,0% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó, tất cả các mặt hàng trong nhóm đều có mức tăng trưởng cao như: hạt tiêu tăng 93,9%, sắn và các sản phẩm từ sắn tăng 93,5% trong đó riêng mặt hàng sắn tăng gấp hai lần, cà phê tăng 59,2%, cao su tăng 55,7%, ...; kim ngạch xuất khẩu nhóm nhiên liệu, khoáng sản ước đạt 9,2 tỷ USD, tăng 45,7% và chiếm tỷ trọng 11,8%, trong đó: xăng dầu tăng 60,3%, quặng và khoáng sản tăng 54,0%, dầu thô tăng 53,5%, than đá tăng 7,9%; kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt gần 46,0 tỷ USD, tăng 30,9% và chiếm tỷ trọng 58,9%, trong đó: điện thoại các loại và linh kiện tăng 196,9%, sắt thép các loại tăng 73,9%, sản phẩm hóa chất tăng 50,7%, phương tiện vận tải và phụ tùng tăng 41,1%, xơ, sợi dệt các loại tăng 40,1%, sản phẩm từ sắt thép tăng 36,5%,... Tuy nhiên, một số mặt hàng có mức tăng trưởng âm như: máy ảnh, máy quay phim và linh kiện giảm 43,7%, đá quý và kim loại quý giảm 8,0%, thủy tinh và sản phẩm thủy tinh giảm 1%; nhóm hàng hóa khác ước đạt 6,4 tỷ USD, tăng 44,0% và chiếm tỷ trọng 8,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

KIM NGẠCH XUẤT KHẨU 10 THÁNG 2011
PHÂN THEO NHÓM HÀNG



Xét về giá, so với cùng kỳ, giá nhiều mặt hàng xuất khẩu tăng cao như: nhân điều tăng 47,8%, cà phê tăng 51,5%, chè các loại tăng 4,1%, hạt tiêu tăng 68,7%, gạo tăng 8,1%, sản và sản phẩm từ sản tăng 20,0%, cao su tăng 51,5%, than đá tăng 17,1%, dầu thô tăng 43,9%, xăng dầu các loại tăng 40,2%, quặng và khoáng sản khác tăng 13,6%, chất dẻo nguyên liệu tăng 14,0%, sắt thép tăng 14,0%,...

Xét về lượng, so với cùng kỳ, một số mặt hàng có lượng xuất khẩu tăng như: sản và các sản phẩm sản tăng 61,3%, sắt thép tăng 52,5%, quặng và các khoáng sản khác tăng 35,5%, hạt tiêu tăng 14,9%, chất dẻo nguyên liệu tăng 14,8%, xăng dầu tăng 14,3%, gạo tăng 8,5%, dầu thô tăng 6,7%, cà phê tăng 5,1%, cao su tăng 2,7%. Tuy nhiên, một số mặt hàng lượng xuất khẩu giảm như: nhân điều giảm 10,3%, chè giảm 1,8%, than đá giảm 7,8%,...

Xét theo thị trường, xuất khẩu sang các thị trường đều có mức tăng trưởng khá cao: xuất khẩu vào ASEAN tăng 28,0% và chiếm tỷ trọng 13,9%; xuất khẩu vào Nhật Bản tăng 37,5% và chiếm tỷ trọng 10,9%; xuất khẩu vào Trung Quốc tăng 56,1% và chiếm tỷ trọng 10,9%; xuất khẩu thị trường Mỹ tăng 19,0% và chiếm tỷ trọng hơn 17,8%; xuất khẩu vào EU tăng 45,8% và chiếm tỷ trọng 16,6% (Phụ lục 4).

2. Nhập khẩu

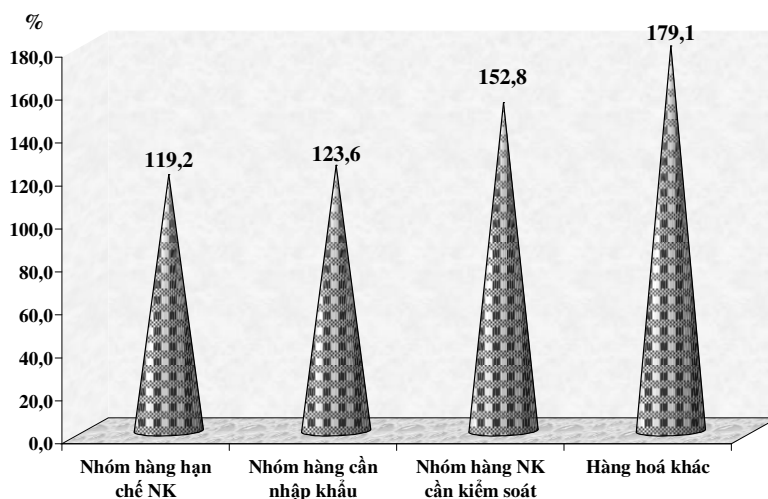
Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 10 ước đạt 9,1 tỷ USD, giảm 3,7% so với tháng 9 nhưng tăng 23,0% so với tháng 10/2010, trong đó: kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 4,05 tỷ USD, giảm 3,0% so với tháng 9 nhưng tăng 20,9% so với tháng 10/2010. Kim ngạch xuất khẩu tháng 9 giảm so với tháng 10 do kim ngạch hầu hết các mặt hàng chính đều giảm (xăng dầu, hóa chất, phân bón, thép,...).

Tính chung 10 tháng, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 86,4 tỷ USD tăng 27,2% so với cùng kỳ, trong đó: kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp 100% vốn trong nước đạt 48,1 tỷ USD, tăng 25,6% so với cùng kỳ, chiếm tỷ

trọng 55,7%; kim ngạch nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 38,3 tỷ USD, tăng 29,2% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 44,3% tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước (Phụ lục 5).

Xét theo nhóm hàng, so với cùng kỳ, kim ngạch của nhóm hàng cần nhập khẩu ước đạt 69,4 tỷ USD, tăng 23,6% và chiếm tỷ trọng 80,3%; kim ngạch của nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu ước đạt gần 6,6 tỷ USD tăng 52,8% và chiếm tỷ trọng 7,6%; kim ngạch của nhóm hàng cần hạn chế ước đạt gần 6,0 tỷ USD, tăng 19,2% và chiếm tỷ trọng 6,9%; nhóm hàng hóa khác ước đạt 4,5 tỷ USD, tăng 79,1%, chiếm tỷ trọng 5,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu.

CHỈ SỐ NHẬP KHẨU PHÂN THEO NHÓM HÀNG 10 THÁNG 2011

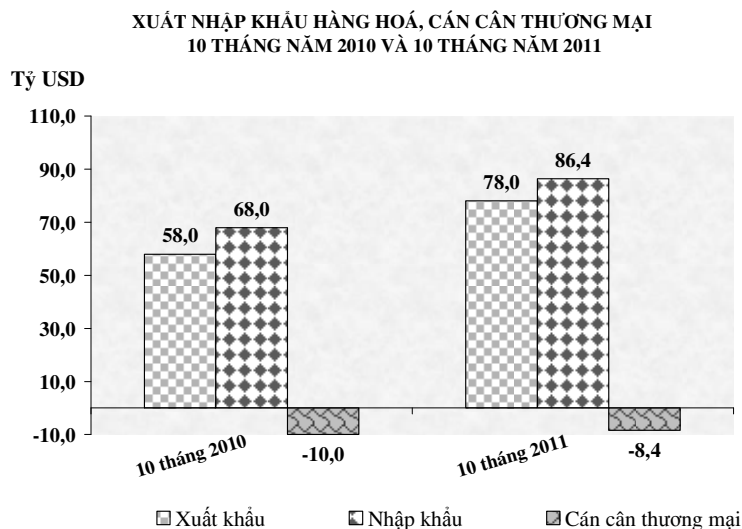


Xét theo mặt hàng, so với cùng kỳ, nhiều mặt hàng có khối lượng và giá trị nhập khẩu tăng. Hầu hết kim ngạch các mặt hàng tiêu dùng đều tăng, trong đó có những mặt hàng tăng mạnh như: thủy sản tăng 56,6%, lúa mỳ tăng 43,2%, dầu, mỡ động thực vật tăng 46,8%, xăng dầu tăng 65,6%, khí đốt hoá lỏng tăng 55,6%, bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc tăng 13,8%,... kể cả những mặt hàng thuộc nhóm cần hạn chế nhập khẩu cũng tăng như: ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ tăng 25,2%, điện thoại các loại và linh kiện tăng 72,5%, nhóm hàng tiêu dùng (trừ ô tô dưới 9 chỗ và điện thoại di động) tăng 1,8%. Các mặt hàng phục vụ sản xuất tăng như: hoá chất tăng 31,0%, phân bón tăng 73,6%, chất dẻo nguyên liệu tăng 26,0%, cao su các loại tăng 55,5%, bông tăng 63,8%, sợi các loại tăng 43,1%, vải các loại tăng 28,2%, ... Tuy nhiên, ngô giảm 31,3%, nguyên phụ liệu thuốc lá giảm 3,7%, clanhke giảm 36,3% và phôi thép giảm 52%,...

Xét theo thị trường, kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Châu Á tăng 26,2% và chiếm tỷ trọng khoảng 77,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, trong đó: ASEAN tăng 31,5%, chiếm tỷ trọng 20,0%, Trung Quốc tăng 22,4%, chiếm tỷ trọng 22,6%, Hàn Quốc tăng 32,3%, chiếm tỷ trọng 12,0%, Nhật Bản tăng 12,7%, chiếm tỷ trọng gần 9,6%. Nhập khẩu từ thị trường EU tăng 16,0% và chiếm tỷ trọng 7,0% (Phụ lục 6).

3. Cán cân thương mại

Ước nhập siêu 10 tháng khoảng 8,39 tỷ USD, chiếm 10,75% kim ngạch xuất khẩu, trong đó, khối doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) nhập siêu hơn 1,2 tỷ USD. Tỷ lệ nhập siêu giảm dần (9 tháng là 10,88%) và chủ yếu từ các nước như Trung Quốc, ASEAN, Hàn Quốc, Đài Loan; thấp hơn nhiều so với mức 17,19% của cùng kỳ năm 2010.

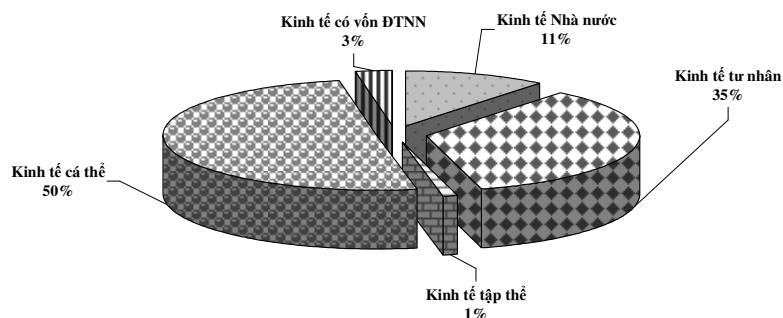


4. Thị trường trong nước

Tháng 10, sức mua trên thị trường hàng hoá có xu hướng chậm lại tuy cung cầu hàng hoá tiếp tục được đảm bảo. Tuy nhiên, do ảnh hưởng thời tiết mưa lũ kéo dài làm hạn chế sức mua của nhân dân. Giá cả một số mặt hàng thiết yếu dao động giảm nhẹ so với tháng trước nhờ các yếu tố như: giá hàng hoá thế giới đang có xu hướng giảm làm hạn chế đà tăng của các mặt hàng nhập khẩu; nguồn cung hàng hóa dồi dào, lượng tồn kho hàng hóa tăng,.... Vì vậy nên tổng mức bán lẻ hàng hoá và dịch vụ xã hội tháng 10 ước đạt 167,5 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5% so với tháng 9; tính chung 10 tháng ước đạt 1.561 nghìn tỷ đồng, tăng 23,1% so với cùng kỳ, trong đó: ngành thương nghiệp ước đạt 1.232,1 nghìn tỷ đồng, tăng 23,3%, chiếm tỷ trọng 78,9%; ngành khách sạn, nhà hàng ước đạt 173 nghìn tỷ đồng, tăng 23,8% và chiếm tỷ trọng 11,1%; ngành dịch vụ ước đạt 140,9 nghìn tỷ đồng, tăng 21,6% và chiếm tỷ trọng 9,0%; ngành du lịch đạt 15 nghìn tỷ đồng, tăng 16,8% và chiếm tỷ trọng 1,0%.

Nhằm bình ổn giá một số mặt hàng, Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính) đã có công văn đề nghị Sở Tài chính các địa phương tăng cường kiểm soát, phối hợp với các Bộ, Ban/ngành chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo đủ hàng hóa thiết yếu nhằm kiểm soát tốc độ tăng giá và bình ổn thị trường những tháng cuối năm, nhất là dịp lễ, tết sắp tới.

**CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HOÁ
PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ 10 THÁNG 2011**



Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10 tiếp tục hạ nhiệt, chỉ tăng 0,36% so với tháng 9 và tăng 17,05% so với tháng 12/2010; bình quân 10 tháng tăng 18,5% so với cùng kỳ. Giá cả một số hàng hóa thiết yếu đã giảm, đặc biệt là nhóm bưu chính viễn thông, giao thông và vật liệu xây dựng tiếp tục giảm tích cực đã làm cho chỉ số giá tháng 10 có mức tăng thấp nhất trong năm. Tuy nhiên, chỉ số giá nhóm hàng giáo dục tiếp tục tăng cao do một số trường tiếp tục điều chỉnh tăng học phí.

III. HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

Tính đến ngày 26 tháng 10, Bộ Công Thương đã trình và ban hành được 31 văn bản theo Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2011, gồm 05 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 22 Thông tư và Thông tư liên tịch; 19 văn bản thực hiện Nghị quyết 59/NQ-CP, gồm 7 Nghị định, 12 Thông tư. Theo Chương trình, Bộ Công Thương sẽ phải trình và ban hành 52 văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương đã xây dựng và ban hành 4 Thông tư ngoài Chương trình và triển khai thực hiện một số công việc về rà soát, thường xuyên cập nhật hệ thống hóa Tổng mục lục văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành công thương; xây dựng và cập nhật Danh mục Điều ước quốc tế đã hết hiệu lực.

2. Công tác hợp tác kinh tế quốc tế

Công tác WTO: Hoàn chỉnh tài liệu báo cáo Thường trực Chính phủ tiến triển của Vòng đàm phán Đoha; thực hiện kế hoạch triển khai rà soát chính sách thương mại Việt Nam lần thứ nhất trong WTO.

Công tác ASEAN: tham dự Hội đồng Cộng đồng kinh tế ASEAN hẹp (AECC Retreat); tham dự Hội nghị lần thứ 29 của Ủy ban đàm phán Thương mại ASEAN-Ấn Độ; chuẩn bị phương án tham dự Hội nghị lần thứ nhất của Nhóm chuyên gia hỗn hợp về Hợp tác kinh tế ASEAN-Nga.

Công tác APEC: xây dựng báo cáo kết quả Hội nghị các Quan chức Cao cấp APEC lần thứ 3, SOM 3; tổng hợp quan điểm các Bộ, ngành chuẩn bị Đề án phần nội dung kinh tế phục vụ cho Chủ tịch nước tham dự Hội nghị Cấp cao APEC lần thứ 19; tham gia góp ý kiến với Bộ Ngoại giao về các nội dung kinh tế, thương mại cho Đề án của Hội nghị Cấp cao APEC lần thứ 19.

Các FTA khác: tổng hợp ý kiến các Bộ, ngành về dự thảo Đề án đàm phán FTA Việt Nam-EU; tham gia góp ý Bộ Kế hoạch và Đầu tư về bản chào Mua sắm Chính phủ trong đàm phán Hiệp định đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương TPP.

3. Công tác quản lý thị trường

Trong tháng, tiếp tục kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành các quy định của pháp luật theo chỉ đạo tại Công điện số 1120/CD-TTg ngày 09 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường công tác kiểm tra hoạt động thương nhân nước ngoài trực tiếp mua gom các hàng hóa được sản xuất trong nước như: thóc, gạo, đường, thực phẩm, hoa quả,...; tăng cường kiểm tra, kiểm soát chống buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, nhất là khu vực biên giới Tây Nam và các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long; kiểm tra việc chấp hành vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là đối với các hàng hóa ảnh hưởng tới an toàn sức khỏe người tiêu dùng; tiếp tục kiểm tra, kiểm soát chống các hành vi buôn lậu và gian lận thương mại theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo 127/TW; tại một số tỉnh phía Nam do ảnh hưởng lũ lụt, các Chi cục Quản lý thị trường đã khẩn trương nhắc nhở, đôn đốc một số doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tiếp tục cung ứng xăng dầu bình thường sau một số thời điểm nước lũ ngập sâu.

Kết quả: đã kiểm tra 15.753 vụ, xử lý 5.644 vụ vi phạm, trong đó 1.201 vụ buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu; 856 vụ sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; 2.741 vụ vi phạm trong kinh doanh và 846 vụ vi phạm trong lĩnh vực giá với số thu trên 18 tỷ đồng, trong đó phạt vi phạm hành chính trên 14,4 tỷ; trị giá hàng tịch thu trên 8,1 tỷ và truy thu thuế trên 105 triệu đồng.

4. Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ

4.1. Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, khuyến khích xuất khẩu, kiểm chế nhập siêu, sử dụng tiết kiệm năng lượng

Nhằm thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, Bộ thường xuyên chỉ đạo, tổ chức việc quản lý sản xuất kinh doanh, giải quyết nhanh, đúng quy định các vướng mắc cho doanh nghiệp.

Trong Chương trình phát triển cây bông ở trong nước và hợp tác với nước ngoài, chỉ đạo Tập đoàn Dệt may Việt Nam và Hiệp hội Bông sợi tổng kết 2 năm thực hiện Quyết định 29 của Thủ tướng Chính phủ. Phối hợp với Hiệp hội Bông sợi khảo sát, đánh giá năng lực sản xuất kinh doanh ngành Bông năm 2011 để kiến nghị lên Chính phủ một số cơ chế phát triển ngành.

Trong công tác xúc tiến thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá và hỗ trợ doanh nghiệp đẩy mạnh xuất khẩu như: chuẩn bị nội dung và tham dự Hội chợ Trung Quốc+ASEAN; thỏa thuận C/O điện tử với Đài Loan; triển khai chương trình xúc tiến thương mại tham dự Hội chợ triển lãm Xuất nhập khẩu mỗi tỉnh một sản phẩm;... Triển khai tổ chức Diễn đàn Doanh nhân Việt kiều tại Anh, Hoa Kỳ, tuần lễ Made in Vietnam tại Ba Lan, Australia;... Tiếp tục chủ động giải quyết các vấn đề cản trở hợp tác thương mại, công nghiệp Việt Nam-EU như chính sách cạnh tranh, kinh tế thị trường.

4.2. Về tăng cường bảo đảm an sinh xã hội

- Phối hợp với Cục Quản lý giá-Bộ Tài chính nghiên cứu, điều chỉnh giảm giá bán lẻ mặt hàng dầu diesel (400 đồng/lít), mặt hàng dầu hỏa (300 đồng/lít) vào ngày 10 tháng 10.

- Theo dõi sát diễn biến giá cả, thị trường, cung cầu các mặt hàng thiết yếu; Ban hành Chỉ thị số 13/CT-BCT ngày 17 tháng 10 năm 2011 về việc đảm bảo cung cầu các mặt hàng thiết yếu bình ổn thị trường các tháng cuối năm 2011 và Tết Nguyên đán Nhâm Thìn 2012.

- Thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, đã kiểm tra việc thực hiện tại Lạng Sơn, Quảng Ninh, đồng thời, đang phối hợp với Ban chỉ đạo Trung ương tiếp tục thực hiện Cuộc vận động (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) nghiên cứu và biên soạn tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền hưởng ứng Cuộc vận động.

- Tiếp tục thực hiện các hoạt động quản lý thị trường, phối hợp thanh tra giá, kiểm tra, kiểm soát bình ổn thị trường, xử lý các trường hợp lợi dụng tình hình khó khăn để đầu cơ, găm hàng, ép giá, tung tin thất thiệt.

4.3. Công tác thông tin, tuyên truyền và cải cách hành chính

Bộ Công Thương thường xuyên ban hành các bản tin xuất khẩu và cung cấp thông tin, định hướng sản xuất, kinh doanh thương mại, định hướng dư luận thị trường cho các doanh nghiệp, bên cạnh việc đưa tin còn có những phân tích và dự báo thị trường.

IV. CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN TRONG THÁNG 11

Quyết tâm phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch năm 2011, trong hai tháng cuối năm, ngoài các biện pháp đã được nêu tại báo cáo sơ kết 9 tháng của Bộ Công Thương, các đơn vị thuộc Bộ cần thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

1. Tăng cường phối hợp, nắm bắt thông tin từ các địa phương, hiệp hội ngành hàng để chủ động xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất; theo dõi sát biến động thị trường thế giới để có các biện pháp hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp xuất khẩu; thực hiện các chính sách hạn chế nhập khẩu mặt hàng không thiết yếu, hàng tiêu dùng xa xỉ, góp phần kiềm chế nhập siêu.

2. Tiếp tục theo dõi sát diễn biến cung cầu, giá cả các mặt hàng thiết yếu để có biện pháp điều tiết kịp thời, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá nhằm bình ổn thị trường, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu có nhu cầu tiêu thụ cao trong dịp Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán sắp tới.

3. Tập trung giám sát chặt chẽ tiến độ các dự án đầu tư, tiến độ giải ngân các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm tiến độ chậm trong 10 tháng đầu năm và các dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2011.

4. Các đơn vị thuộc Bộ tổ chức rà soát, cân đối đủ nhu cầu vốn, nhu cầu ngoại tệ để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2012, trên cơ sở đó xây dựng cơ cấu, phương án huy động các nguồn vốn hợp lý, đảm bảo thu xếp đủ vốn cho dự án và an toàn tài chính của đơn vị.

5. Tiếp tục đẩy mạnh cải tiến công nghệ, tăng cường quản lý, nghiên cứu sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị trong nước đã sản xuất được để giảm chi phí, hạ giá thành nhằm tăng hiệu quả đầu tư và hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần giảm nhập siêu. Tập trung thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí, đặc biệt là sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên; đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ phục vụ sản xuất và tiêu dùng.

6. Các đơn vị sản xuất phân bón thuộc Tập đoàn Hoá chất Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp tục duy trì ổn định công suất các nhà máy, đồng thời tích cực tham gia giám sát chặt chẽ công tác phân phối phân bón, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu phân bón trong vụ Đông Xuân sắp tới, tránh hiện tượng đầu cơ, găm hàng, tăng giá, gian lận trong kinh doanh phân bón.

7. Tiếp tục phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, định hướng dư luận, tạo đồng thuận giữa doanh nghiệp và nhân dân trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là về kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội.

8. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từ cơ quan Bộ tới các đơn vị thuộc Bộ./.

Nơi nhận:

- Bộ KHĐT;
- Lãnh đạo Bộ;
- VP TƯ Đảng;
- VP Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Mạng diện rộng VPCP;
- Đảng uỷ Bộ;
- Các Vụ, Tổng cục, Cục, Thanh tra Bộ, Văn phòng Bộ (qua mạng nội bộ);
- Lưu VT, KH (2b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Nguyễn Thành Biên